

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 28

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyên giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,644,450,431,645	6,188,485,052,034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		811,520,984,485	1,441,319,143,324
1. Tiền	111	4	265,520,413,906	197,980,655,700
2. Các khoản tương đương tiền	112		546,000,570,579	1,243,338,487,624
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,609,117,932,518	1,877,716,538,693
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	1,394,277,072,982	1,819,704,807,754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	28,233,367,279	57,926,407,200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		191,269,520,000	6,400,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	38,641,937,351	38,206,189,612
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,303,965,094)	(44,520,865,873)
III. Hàng tồn kho	140	7	3,119,480,419,894	2,793,479,690,319
1. Hàng tồn kho	141		3,309,321,029,401	2,815,203,975,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(189,840,609,507)	(21,724,285,464)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		104,331,094,748	75,969,679,698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	19,528,053,641	8,001,515,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84,157,662,299	67,968,164,698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		645,378,808	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		571,643,715,060	333,112,245,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,809,459,600	15,999,127,380
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	18,809,459,600	15,999,127,380
II. Tài sản cố định	220		91,313,410,041	91,986,187,274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	30,231,866,767	33,148,990,127
<i>Nguyên giá</i>	222		62,901,684,522	59,770,633,966
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32,669,817,755)	(26,621,643,839)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	61,081,543,274	58,837,197,147
<i>Nguyên giá</i>	228		66,677,865,692	62,867,121,238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,596,322,418)	(4,029,924,091)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	361,784,987,375	127,210,224,921
1. Đầu tư vào công ty con	251		406,734,039,605	145,184,039,605
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,945,750,000	2,945,750,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(47,894,802,230)	(20,919,564,684)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		99,735,858,044	97,916,706,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3,928,135,408	3,905,875,767
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		95,807,722,636	94,010,830,377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,216,094,146,705	6,521,597,297,753

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,818,204,482,203	4,741,866,161,161
I. Nợ ngắn hạn	310		3,812,345,852,776	4,735,807,531,734
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	1,165,713,526,793	2,834,528,721,725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	95,170,709,021	71,949,726,074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	34,647,805,130	70,717,966,454
4. Phải trả người lao động	314		20,638,581,346	24,306,403,202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	303,672,311,264	601,422,371,819
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	277,676,543,229	15,654,404,588
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1,914,826,375,993	1,117,227,937,872
II. Nợ dài hạn	330		5,858,629,427	6,058,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	5,858,629,427	6,058,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,397,889,664,502	1,779,731,136,592
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	2,397,889,664,502	1,779,731,136,592
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,632,299,430,000	885,520,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,632,299,430,000	885,520,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,302,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		710,259,410,252	838,850,062,342
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23,473,326,342	200,207,596,364
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		686,786,083,910	638,642,465,978
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,216,094,146,705	6,521,597,297,753

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	4,149,703,566,922	7,965,580,620,836	21,863,911,529,828	21,364,939,356,141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	(192,051,424,188)	(193,937,718,607)	(118,019,739,136)	(586,869,022,056)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.1	3,957,652,142,734	7,771,642,902,229	21,745,891,790,692	20,778,070,334,085
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(3,499,313,120,434)	(7,178,893,009,238)	(20,131,869,750,916)	(19,306,319,746,760)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		458,339,022,300	592,749,892,991	1,614,022,039,776	1,471,750,587,325
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	68,843,070,788	69,015,828,260	210,597,673,587	180,859,827,805
7. Chi phí tài chính	22	20	(98,116,867,406)	(42,670,328,193)	(166,457,513,014)	(63,242,856,971)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(34,918,209,636)	(11,966,593,633)	(91,546,571,117)	(31,847,588,081)
8. Chi phí bán hàng	25	21	(213,991,191,865)	(204,710,833,899)	(676,670,696,743)	(682,666,079,546)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	(33,613,469,142)	(38,258,757,602)	(117,501,838,720)	(105,830,892,091)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		181,460,564,675	376,125,801,557	863,989,664,886	800,870,586,522
11. Thu nhập khác	31	22	1,248,579,152	630,751,556	1,884,894,559	1,204,922,066
12. Chi phí khác	32	22	(1,950,846,339)	(1,248,161,337)	(5,857,618,273)	(2,676,347,358)
13. Lợi nhuận khác	40	22	(702,267,187)	(617,409,781)	(3,972,723,714)	(1,471,425,292)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		180,758,297,488	375,508,391,776	860,016,941,172	799,399,161,230
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(53,666,677,066)	(135,662,111,261)	(175,027,749,521)	(220,854,928,421)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		17,072,344,070	60,098,233,169	1,796,892,259	60,098,233,169
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		144,163,964,492	299,944,513,684	686,786,083,910	638,642,465,978

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		180,258,297,488	375,508,391,776	859,516,941,172	799,399,161,230
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,183,665,670	1,505,933,429	7,749,812,387	5,593,869,336
- Các khoản dự phòng	03		31,552,749,365	26,799,930,349	193,874,660,810	26,799,930,349
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9,406,446,388)	(5,916,649,545)	(2,520,254,210)	(5,916,649,545)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18,946,329,581)	(20,075,852,988)	(48,598,049,319)	(39,349,259,995)
- Chi phí lãi vay	06		34,918,209,636	11,966,593,633	91,546,571,117	31,847,588,081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		220,560,146,190	389,788,346,654	1,101,569,681,957	818,374,639,456
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		664,874,170,234	150,912,951,970	334,836,939,889	(784,817,572,298)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(509,344,208,802)	(1,971,418,208,403)	(494,117,053,618)	(2,026,117,014,597)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải)	11		(198,625,522,399)	2,356,883,954,233	(1,695,265,700,567)	2,310,357,234,706
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,729,590,342)	(2,731,465,674)	(11,548,798,282)	(3,008,199,049)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30,646,867,380)	(13,354,591,229)	(81,005,356,010)	(30,168,636,410)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(56,271,090,848)	(92,000,000,000)	(211,359,875,108)	(175,652,328,260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80,817,036,653	818,080,987,551	(1,056,890,161,739)	108,968,123,548

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

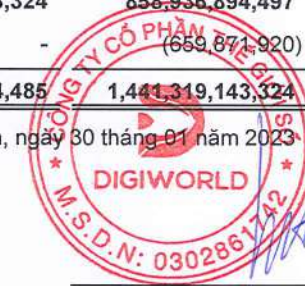
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03a-DN

		QUÝ IV		LŨY KẾ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<i>Đơn vị tính: VND</i>					
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,124,174,949)	(11,942,099,633)	(7,077,035,154)	(12,107,399,633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	300,000,000	-	300,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(145,050,000,000)	2,000,000,000	(332,098,000,000)	(6,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28,628,480,000	-	147,228,480,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,400,000,000)	(495,000,000)	(261,550,000,000)	(3,755,000,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,755,765,308	19,955,973,476	50,104,597,299	40,609,811,168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101,189,929,641)	9,818,873,843	(403,391,957,855)	18,647,411,535
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	500,000,000	-	22,500,000,000	12,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	(30,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,346,107,984,350	1,669,718,872,234	9,942,637,010,218	4,902,497,432,817
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,493,632,753,908)	(1,619,853,562,427)	(9,044,025,493,463)	(4,414,870,569,153)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	(90,597,556,000)	(44,200,278,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(147,024,769,558)	49,865,309,807	830,483,960,755	455,426,585,664
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(167,397,662,546)	877,765,171,201	(629,798,158,839)	583,042,120,747
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	978,669,182,481	564,213,844,043	1,441,319,143,324	858,936,894,497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	249,464,550	(659,871,920)	-	(659,871,920)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	811,520,984,485	1,441,319,143,324	811,520,984,485	1,441,319,143,324

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 474 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 403).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt Hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	142,177,023	97,251,718
Tiền gửi ngân hàng	265,378,236,883	197,883,403,982
Các khoản tương đương tiền	<u>546,000,570,579</u>	<u>1,243,338,487,624</u>
TỔNG CỘNG	<u>811,520,984,485</u>	<u>1,441,319,143,324</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu các bên khác	1,348,471,402,919	1,642,907,681,341
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	80,258,767,760	710,163,586,494
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT	12,997,613,034	3,903,035,405
- Khác	1,255,215,022,125	928,841,059,442
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 25)	<u>45,805,670,063</u>	<u>176,797,126,413</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,394,277,072,982</u>	<u>1,819,704,807,754</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(10,429,865,601)</u>	<u>(10,526,141,193)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1,383,847,207,381</u>	<u>1,809,178,666,561</u>

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho bên khác		
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	3,759,835,186	4,016,632,537
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei (Việt Nam)	1,498,998,482	24,922,978,600
- Khác	<u>22,974,533,611</u>	<u>28,986,796,063</u>
TỔNG CỘNG	<u>28,233,367,279</u>	<u>57,926,407,200</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>-</u>	<u>(158,040,552)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>28,233,367,279</u>	<u>57,768,366,648</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	295,952,278	641,815,576
Khác	5,471,885,581	4,690,274,544
TỔNG CỘNG	38,641,937,351	38,206,189,612
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(33,836,684,129)
GIÁ TRỊ THUẦN	5,767,837,859	4,369,505,483
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	18,809,459,600	15,999,127,380

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	2,624,186,033,240	1,263,418,116,348
Hàng mua đang đi đường	636,436,857,171	1,504,146,085,530
Hàng gửi đi bán	16,219,946,795	47,535,469,814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32,478,192,195	104,304,091
TỔNG CỘNG	3,309,321,029,401	2,815,203,975,783
Dự phòng HTK	(189,840,609,507)	(21,724,285,464)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,119,480,419,894	2,793,479,690,319

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngắn hạn	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí hoạt động	19,264,117,671	7,733,822,425
Công cụ, dụng cụ	263,935,970	267,692,575
TỔNG CỘNG	19,528,053,641	8,001,515,000
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,021,075,981	926,324,464
Khác	2,907,059,427	2,979,551,303
TỔNG CỘNG	3,928,135,408	3,905,875,767

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B09a-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	21,183,180,735	5,369,832,427	30,069,598,098	3,148,022,706	59,770,633,966
Mua sắm	-	260,000,000	2,498,480,700	507,810,000	3,266,290,700
Thanh lý	-	-	-	135,240,144	135,240,144
Số cuối kỳ	<u>21,183,180,735</u>	<u>5,629,832,427</u>	<u>32,568,078,798</u>	<u>3,520,592,562</u>	<u>62,901,684,522</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	- 10,509,686,883	- 4,146,426,269	- 9,055,067,783	- 2,910,462,904	- 26,621,643,839
Khấu hao trong năm	- 853,605,090	- 685,352,192	- 4,508,080,522	- 136,376,256	- 6,183,414,060
Thanh lý	-	-	-	135,240,144	135,240,144
Số cuối kỳ	<u>- 11,363,291,973</u>	<u>- 4,831,778,461</u>	<u>- 13,563,148,305</u>	<u>- 2,911,599,016</u>	<u>- 32,669,817,755</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	10,673,493,852	1,223,406,158	21,014,530,315	237,559,802	33,148,990,127
Số cuối kỳ	<u>9,819,888,762</u>	<u>798,053,966</u>	<u>19,004,930,493</u>	<u>608,993,546</u>	<u>30,231,866,767</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	5,484,945,058	57,382,176,180	57,382,176,180	62,867,121,238
Mua sắm	3,810,744,454	-	-	3,810,744,454
Phân loại lại	-	-	-	-
Số cuối kỳ	9,295,689,512	57,382,176,180	57,382,176,180	66,677,865,692
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	- 4,029,924,091	-	-	- 4,029,924,091
Khấu hao trong năm	- 1,566,398,327	-	-	- 1,566,398,327
Số cuối kỳ	- 5,596,322,418			- 5,596,322,418
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	1,455,020,967	57,382,176,180	57,382,176,180	58,837,197,147
Số cuối kỳ	3,699,367,094	57,382,176,180	57,382,176,180	61,081,543,274

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>		
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100.0	406,734,039,605	(47,894,802,230)	358,839,237,375	100	124,264,474,921
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	2,945,750,000	-	2,945,750,000	49.1	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		409,679,789,605	(47,894,802,230)	361,784,987,375		127,210,224,921

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Asus Global Pte. Ltd	194,784,764,605	373,459,932,121
Acer Incorporated	-	263,648,178,234
Dell Global B.V (Singapore Branch)	55,083,905,216	253,530,990,510
Xiaomi H.K Limited	92,221,601,734	816,989,203,143
Nhà cung cấp khác	823,623,255,238	1,126,900,417,717
TỔNG CỘNG	1,165,713,526,793	2,834,528,721,725

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
XIAOMI H.K Limited	82,372,732,130	34,104,038,527
Khác	12,797,976,891	37,845,687,547
TỔNG CỘNG	95,170,709,021	71,949,726,074

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Chiết khấu thương mại	243,469,155,309	357,422,741,762
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	30,885,125,286	241,598,496,496
Chi phí lãi vay	12,942,348,668	2,401,133,561
Khác	16,375,682,001	-
TỔNG CỘNG	303,672,311,264	601,422,371,819

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,251,613,786	70,583,739,373
Thuế thu nhập cá nhân	396,191,344	134,227,081
TỔNG CỘNG	34,647,805,130	70,717,966,454

CÔNG TY CỔ PHẦN THÈ GIỜ SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	15,826,411,176	12,896,347,265
Phải trả BHXH, BHYT, CĐ, trợ cấp thất nghiệp	2,361,379,111	1,802,643,681
Phải trả khác	259,488,752,942	955,413,642
Cộng	277,676,543,229	15,654,404,588
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5,858,629,427	6,058,629,427
Cộng	5,858,629,427	6,058,629,427
TỔNG CỘNG	283,535,172,656	21,713,034,015

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

16. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đánh giá lại	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngân hàng	1,117,227,937,872	9,942,637,010,218	(9,145,283,375,752)	244,803,655	1,914,826,375,993
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,117,227,937,872	9,942,637,010,218	(9,145,283,375,752)	244,803,655	1,914,826,375,993

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Gốc USD	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	509,990,200,236		Ngày 06/02/2023 đến 28/02/2023	Từ 7.6% đến 7.95%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	481,479,514,813		Ngày 08/02/2023 đến 19/04/2023	Từ 7.8% đến 8.0%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	227,727,077,051		Ngày 25/01/2023 đến 23/02/2023	Từ 7.5% đến 8.12%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	215,128,034,000		Ngày 04/04/2023 đến 27/04/2023	7.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	320,943,620,000		Ngày 09/03/2023 đến 13/04/2023	8.00%	Không có tài sản đảm bảo
6 The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore)	159,557,929,893	6,737,803.72	Ngày 07/04/2023 đến 21/04/2023	6.00%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	1,914,826,375,993				

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

	Vốn cổ phần	Tặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431,517,470,000	61,233,761,416	- 6,272,937,166	400,000,000	686,410,654,364	1,173,288,948,614
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Cổ tức công bố					- 44,200,278,000	- 44,200,278,000
Phát hành cổ phiếu thưởng	442,002,780,000				- 442,002,780,000	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					638,642,465,978	638,642,465,978
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885,520,250,000	61,233,761,416	- 6,272,937,166	400,000,000	838,850,062,342	1,779,731,136,592
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885,520,250,000	61,233,761,416	- 6,272,937,166	400,000,000	838,850,062,342	1,779,731,136,592
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	22,000,000,000	-	-	-	-	22,000,000,000
Mua lại Cổ phiếu quỹ			30,000,000			30,000,000
Cổ tức công bố (**)					- 90,597,556,000	- 90,597,556,000
Phát hành cổ phiếu thưởng (***)	724,779,180,000				- 724,779,180,000	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					686,786,083,910	686,786,083,910
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	- 6,302,937,166	400,000,000	710,259,410,252	2,397,889,664,502

(*) Vào ngày 04 tháng 04 năm 2022, Công ty đã phát hành 2.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 22.000.000.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 2 năm 2022. Vào ngày 18 tháng 05 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 907.520.250.000VNĐ.

(**) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 04 năm 2022 ("Nghị quyết 02"), Hội đồng Quản Trị đã thông qua Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 06 năm 2022 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu được nhận 1.000VNĐ) với tổng số tiền là 90.597.556.000VNĐ.

(***) Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 06 năm 2022, công bố phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 0,8:1 để tăng vốn cổ phần (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 0,8 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 13 tháng 07 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 72.477.918 cổ phiếu thưởng. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 07 năm 2022, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.632.299.430.000VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ GIỚI SÔ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	163,229,943	88,552,025
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	163,229,943	88,552,025
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163,229,943	88,552,025
Cổ phiếu quỹ	(154,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(154,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	163,075,474	88,400,556
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163,075,474	88,400,556

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tổng doanh thu:	21,863,911,529,828	21,364,939,356,141
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21,863,911,529,828	21,364,939,356,141
Các khoản giảm trừ doanh thu	(118,019,739,136)	(586,869,022,056)
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại	(118,019,739,136)	(586,869,022,056)
DOANH THU THUẦN	21,745,891,790,692	20,778,070,334,085

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,637,906,516	872,216,632
Lãi chênh lệch tỷ giá	78,696,397,120	63,895,572,430
Chiết khấu thanh toán	81,796,679,168	77,303,202,273
Lãi trái phiếu	40,465,099,168	35,362,561,893
Cổ tức được chia	681,846,283	2,205,891,212
Khác	6,319,745,332	1,220,383,365
Cộng	210,597,673,587	180,859,827,805

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

GIA VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG		
19. CẤP		VND
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Giá vốn hàng bán & cung cấp dịch vụ	20,131,869,750,916	19,306,319,746,760
	20,131,869,750,916	19,306,319,746,760
20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		VND
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	91,546,571,117	31,847,588,081
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46,301,085,988	8,652,425,406
Chiết khấu thanh toán	1,498,551,482	1,759,749,298
Khác	27,111,304,427	20,983,094,186
Cộng	166,457,513,014	63,242,856,971
21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		VND
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	45,344,859,191	47,724,023,761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,428,421,198	35,587,854,164
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	503,522,776,348	552,035,098,543
Khác	89,374,640,006	47,319,103,078
	676,670,696,743	682,666,079,546
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	51,800,472,581	46,286,800,359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26,728,871,521	19,889,716,635
Chi phí bằng tiền khác	38,972,494,618	39,654,375,097
	117,501,838,720	105,830,892,091
TỔNG CỘNG	794,172,535,463	788,496,971,637

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ GIỜ SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Thu nhập khác	1,884,894,559	1,204,922,066
Thu nhập khác	1,884,894,559	1,204,922,066
Chi phí khác	(5,857,618,273)	(2,676,347,358)
Các khoản chi phí khác	(5,857,618,273)	(2,676,347,358)
THU NHẬP THUẦN	(3,972,723,714)	(1,471,425,292)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ	20,131,869,750,916	19,306,319,746,760
Chi phí nhân công	97,145,331,772	94,010,824,120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,749,812,387	1,359,584,194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65,157,292,719	55,477,570,799
Chi phí bằng tiền khác	624,120,098,585	637,648,992,524
	20,926,042,286,379	20,094,816,718,397

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	860,016,941,172	799,399,161,230
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	172,003,388,234	159,879,832,246
Các khoản điều chỉnh khác		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,325,455,412	707,697,888
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,796,892,259	610,343,360
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	-
Khác	136,369,257	441,178,242
Chi phí thuế TNDN hiện hành	175,027,749,521	160,756,695,252

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kê toán 12</i>	<i>VND</i>
			<i>tháng kết thúc ngày 31</i>	<i>Cho kỳ kê toán 12</i>
			<i>tháng 12 năm 2022</i>	<i>tháng kết thúc ngày 31</i>
				<i>tháng 12 năm 2021</i>
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con	Góp vốn	261,550,000,000	45,184,039,605
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và chi nhánh	Công ty con	Mua dịch vụ, hàng hóa	538,256,687,260	261,101,993,025
		Bán hàng hóa, dịch vụ	261,003,805,381	155,874,426,963
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	16,390,899,072	-
		Mua dịch vụ, hàng hóa	14,483,299	855,706,598

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>VND</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm</i>
				<i>2021</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của Khách hàng</i>				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	16,413,191,407	154,155,049,202
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	3,363,368,398	146,882,323
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	26,029,110,258	22,050,883,250
			45,805,670,063	176,352,814,775

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

			Ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	73,000,000,000	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	28,800,000,000	-
Công ty TNHH MTV DPHARMA	Công ty con gián tiếp	Cho vay	8,000,000,000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con gián tiếp	Cho vay	57,750,000,000	-
Các công ty liên kết khác	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	23,719,520,000	6,400,000,000
			191,269,520,000	6,400,000,000
			-	-

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

		Thù lao		VND
		Cho kỳ kê toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kê toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	
<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>			
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	199,683,000	188,522,033	
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	193,430,000	182,831,033	
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	193,430,000	182,831,033	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000	
Ông Hoàng Thông	Thành viên trước đây	-	15,000,000	
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên trước đây	-	15,000,000	
		826,543,000	824,184,099	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

26. CÁC CAM KẾT**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	40,425,232,460	21,710,719,957
Từ 1 đến 5 năm	137,082,776,626	59,480,505,617
Trên 5 năm	4,725,715,441	11,704,148,748
TỔNG CỘNG	182,233,724,527	92,895,374,322


26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND
		Số tiền VND	%		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	407,250,000,000	407,250,000,000	100	406,734,039,605	515,960,395

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Trần Quế Tâm
Người lập biểu


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT